

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/DS - PT
Ngày 03 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1967. Địa chỉ: khóm A, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Kiều Văn Trường G sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G: Luật sư Phan Văn H1 – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Phước Bình, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Bà Kiều Thị Huỳnh T, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Phước Bình, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Lê Thanh V, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Lê Thị Diệu T1, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* Ông Kiều Văn Trường G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Lê Văn B và trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Trung H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào năm 1981 cha ruột ông Lê Văn B là ông Lê Văn T2 để lại cho ông B 03 miếng đất gồm: 01 miếng đất ruộng, 01 miếng đất giồng và 01 miếng đất động tọa lạc khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc 03 miếng đất này là của ông bà của ông B canh tác từ trước giải phóng. Vào ngày 26/11/1997, ông B có thỏa thuận sang nhượng cho cháu của ông B là ông Kiều Văn Trường G 01 miếng đất ruộng và 01 miếng đất giồng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 029981 và E 029982 (thửa đất 752 và thửa 756) tổng diện tích là 3.460m², tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 20/12/1998 thì ông B có làm giấy tay chuyển nhượng 01 miếng đất ruộng và 01 miếng đất giồng cho ông G. Còn lại miếng đất động diện tích 1.923m² tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh thì ông không có sang bán cho ông G. Khi giao miếng đất ruộng và miếng đất giồng cho ông G, ông B có mời chính quyền ấp P là ông Lê Hồng K – Trưởng Ban nhân dân ấp và ông Lê Văn K1 – Phó Ban nhân dân ấp đến để chỉ và xác định ranh đất. Đồng thời do hoàn cảnh lúc đó ông B đang nuôi tôm ở ngoài rừng nên có nói gửi phần đất động cho ông G giữ và canh tác khi nào ổn định công việc sẽ về lấy lại canh tác. Miếng đất động mà ông B gửi cho ông Kiều Văn Trường G giữ dùm được chia làm 02 thửa:

- Thửa số 792, tờ bản đồ số 1, diện tích 800m², tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- Thửa số 223, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.123m², tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Cả 02 thửa đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B có đi hỏi thì được biết hiện nay chỉ có thửa số 792, tờ bản đồ số 1, diện tích 800m², tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh mới có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, khi ông B mới đi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì ông G ngăn cản và xảy ra tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kiều Văn Trường G và vợ là Huỳnh Thị H2 phải trả lại cho ông B phần đất diện tích 800m², thửa số 792, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Lê Văn B và người đại diện theo ủy quyền của ông B là ông Huỳnh Trung H thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kiều Văn Trường G và vợ là Huỳnh Thị H2 phải trả lại cho ông B phần đất diện tích

theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 793,3m² thuộc thửa 792, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Phần diện tích chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 6,7m² thuộc thửa 792 thì ông B và ông H thống nhất xin rút lại. Ngoài ra, nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện theo uỷ quyền của ông B là ông Huỳnh Trung H thống nhất nếu ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 thống nhất trả lại đất cho ông B thì ông B chấp nhận cho lại ông G, bà H2 10 mét ngang phần đất tranh chấp theo diện tích đo thực tế.

Bị đơn ông Kiều Văn Trường G và người đại diện theo uỷ quyền của ông G là ông Phan Văn H1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào năm 1997, ông Kiều Văn Trường G có mua của ông Lê Văn B hai thửa đất (thửa 752, 756), hiện tại ông G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với phần đất động đang tranh chấp với ông Lê Văn B thì do ông G trực tiếp khai phá và ông G đã sử dụng ổn định phần đất này từ năm 1997 đến nay. Trên phần đất động ông G có làm chuồng nuôi bò, trồng cỏ cho bò ăn hàng năm. Việc ông B kê khai phần đất tranh chấp vào năm 2008 là không đúng quy định vì đất này ông G đang canh tác. Ngoài ra, vào năm 2008, chính ông G cũng có đăng ký kê khai thửa 792 nhưng không được chấp nhận. Vì vậy, ông G không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông B và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa 792 cho ông G.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A, ông Lê Thanh V và bà Lê Thị Diệu T1 trình bày ý kiến có nội dung thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Ông Phan Văn H1 là người đại diện theo uỷ quyền của ngu7oi2 có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2: Thống nhất với ý kiến của ông đại diện cho ông G trình bày.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Huỳnh T trình bày ý kiến có nội dung thống nhất yêu cầu ý kiến của ông Kiều Văn Trường G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đối với ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2.

Buộc ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 phải trả lại cho ông Lê Văn B diện tích đất là 535,9m² thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991). Đất tọa lạc tại Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn B diện tích là 535,9m² thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991). Đất tọa lạc tại Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Kích thước, tứ cận phần đất diện tích 535,9m² gồm 403,3m² (ký hiệu C) và 132,6m² (Ký hiệu E) theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 44/CN-TXDH ngày 10/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh thị xã D, tỉnh Trà Vinh).

2. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 diện tích là 257,4m² thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991). Đất tọa lạc tại Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Kích thước, tứ cận phần đất diện tích 257,4m² (ký hiệu D) theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 44/CN-TXDH ngày 10/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh thị xã D, tỉnh Trà Vinh).

3. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đòi bị đơn ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 trả đất với diện tích 6,7m² thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991). Đất tọa lạc tại Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, bị đơn ông Kiều Văn Trường G kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H không rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Kiều Văn Trường G không rút đơn kháng. Giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H với bị đơn ông Kiều Văn Trường G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 đồng ý giao phần diện tích 403,3m² (Phần ký hiệu C) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn B được quyền quản lý, sử dụng; ông Lê Văn B đồng ý để phần diện tích 390m² (phần ký hiệu D, E) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Kiều Văn Trường G cho rằng: Tại phiên tòa hôm nay giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H với bị đơn ông Kiều Văn Trường G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị kiểm sát viên cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H với bị đơn ông Kiều Văn Trường G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Ông Kiều Văn

Trường G và bà Huỳnh Thị H2 đồng ý giao phần diện tích 403,3m² (phần ký hiệu C) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn B được quyền quản lý, sử dụng; ông Lê Văn B đồng ý để phần diện tích 390m² (phần ký hiệu D, E) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H với bị đơn ông Kiều Văn Trường G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Theo thỏa thuận thì ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 đồng ý giao phần diện tích đất 403,3m² (phần ký hiệu C) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn B được quyền quản lý, sử dụng; ông Lê Văn B đồng ý để phần diện tích đất 390m² (phần ký hiệu D, E) thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí cung cấp thông tin cấp phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng nhưng ông B đã nộp xong nên ông B không phải nộp tiếp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kiều Văn Trường G không phải chịu.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 20, 26, 100, 166, 170, 179, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và người đại diện hợp pháp của ông B là ông Huỳnh Trung H với bị đơn ông Kiều Văn Trường G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2.

Buộc ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 giao phần diện tích 403, 3m² (phần ký hiệu C), loại đất BHK, thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn B được quyền quản lý, sử dụng.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn B đối với diện tích đất 403,3m² (phần ký hiệu C), loại đất BHK, thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

(Kích thước, tứ cận phần đất diện tích 403,3m² (ký hiệu C) theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 44/CN-TXDH ngày 10/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 đối với diện tích đất 390m² (phần ký hiệu D, E), loại đất BHK, thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Kích thước, tứ cận phần đất diện tích 390m² (ký hiệu D, E) theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 44/CN-TXDH ngày 10/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Văn B, ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được công nhận trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đòi bị đơn ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 trả đất với diện tích 6,7m² thửa 298, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2008 (nhằm thửa 792, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1991), tọa lạc Khóm P, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

4. Về chi phí tố tụng cấp sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn B phải chịu chi phí tố tụng là 912.145 đồng. Buộc ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 phải chịu chi phí tố tụng là: 1.898.780 đồng. Do ông B nộp tạm ứng trước nên ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 phải nộp lại số tiền 1.898.780 đồng để trả cho ông B. Ông B được nhận lại tiền còn dư 189.075 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

5. Về chi phí cung cấp thông tin cấp phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng nhưng ông B đã nộp xong nên ông B không phải nộp tiếp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn B.

Buộc ông Kiều Văn Trường G và bà Huỳnh Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kiều Văn Trường G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông G đã nộp theo biên lai số 0015156 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng